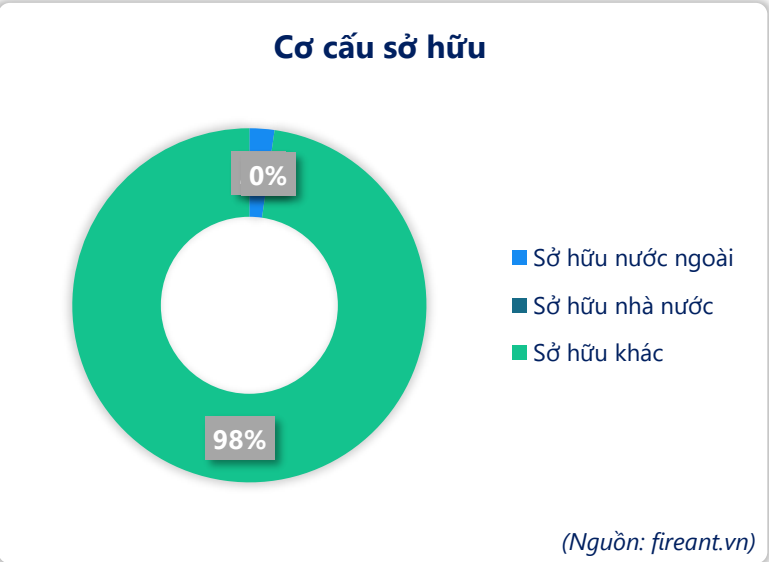
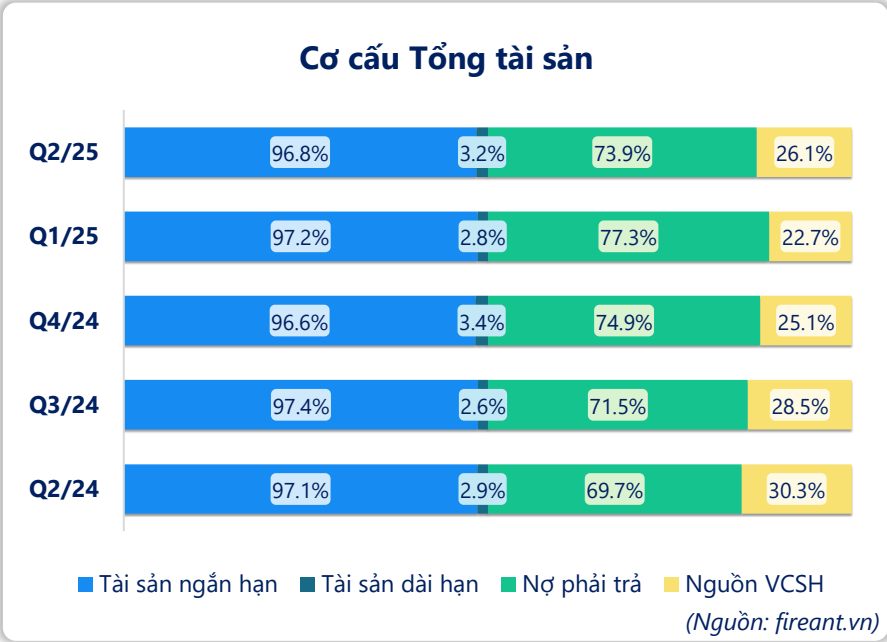
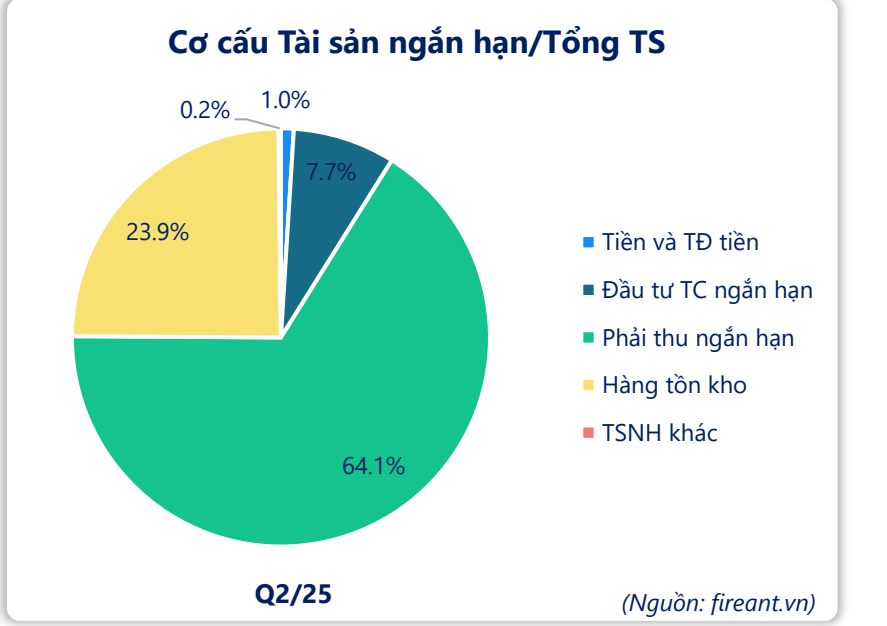
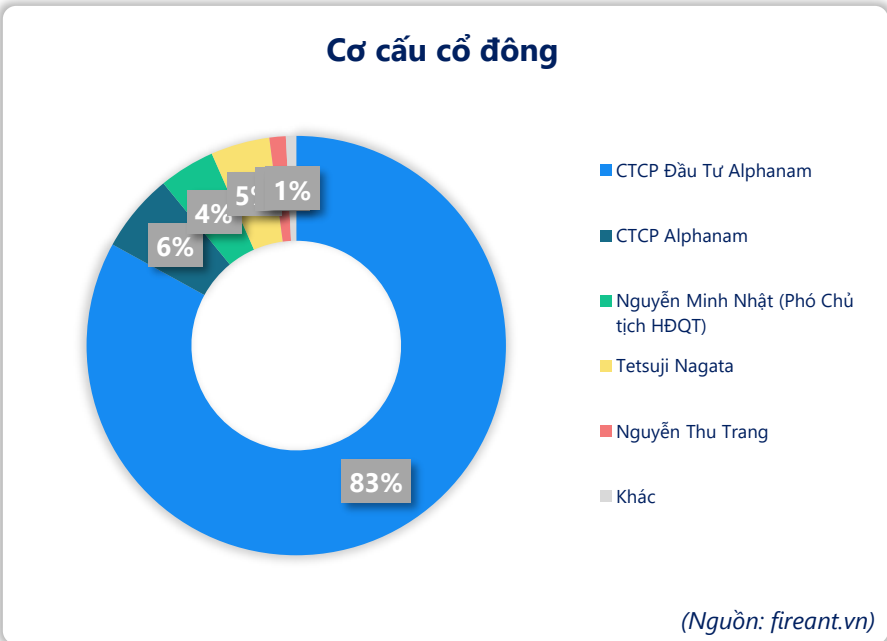
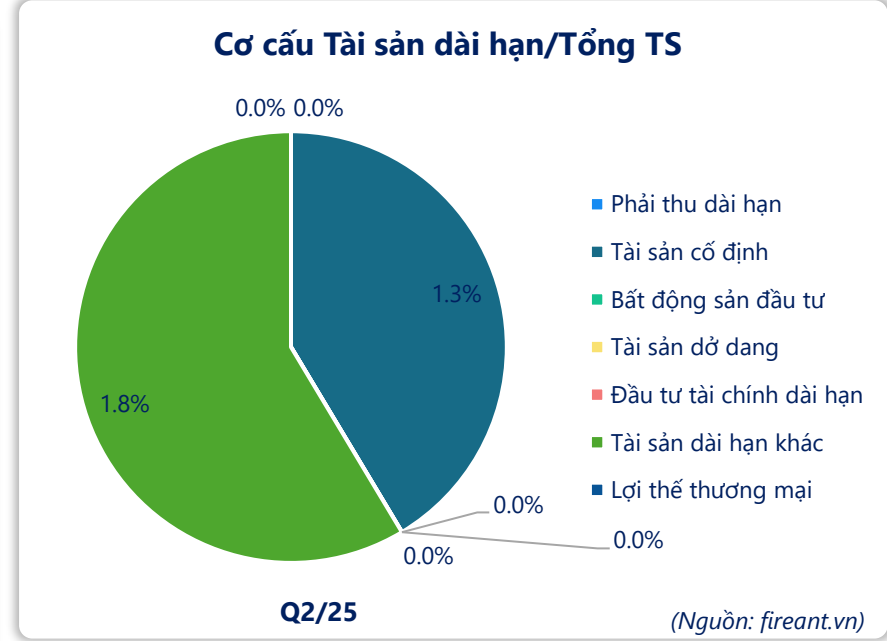


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		5,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		7,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		4,400
SL cổ phiếu LH		65,200,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,095
% sở hữu nước ngoài		2.3%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		339
P/E		10.3
EPS		503

	YTD	1T	3T	6T
AME	10.6%	10.6%	-11.9%	10.6%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%

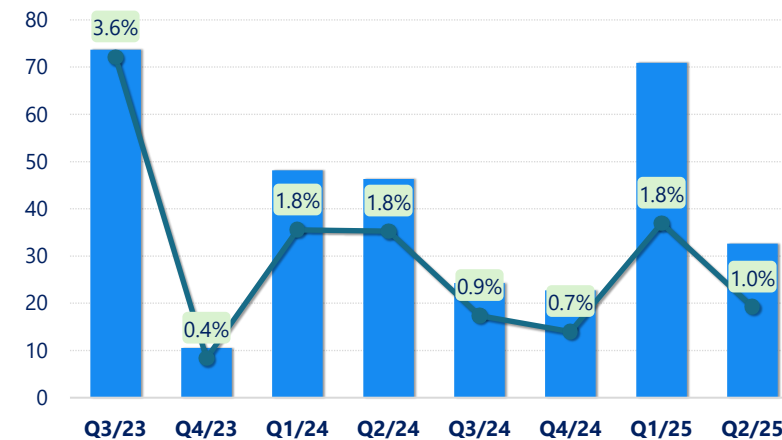


CTCP Alphanam E&C (HNX: AME)



Tiền và tương đương tiền

tỷ VNĐ

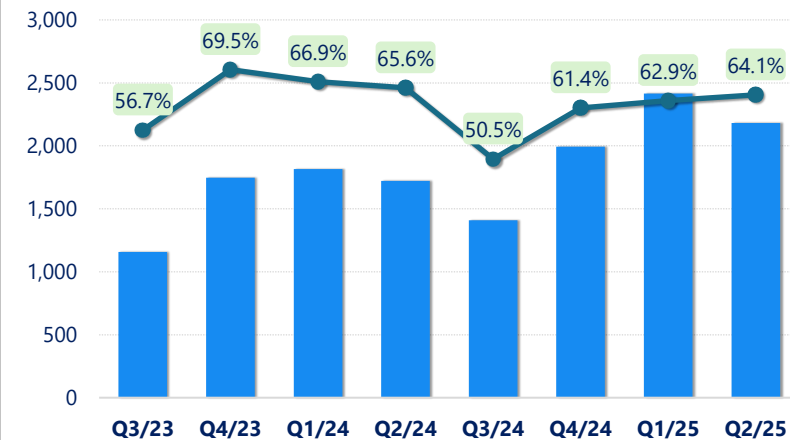


Tiền và tương đương tiền Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

tỷ VNĐ

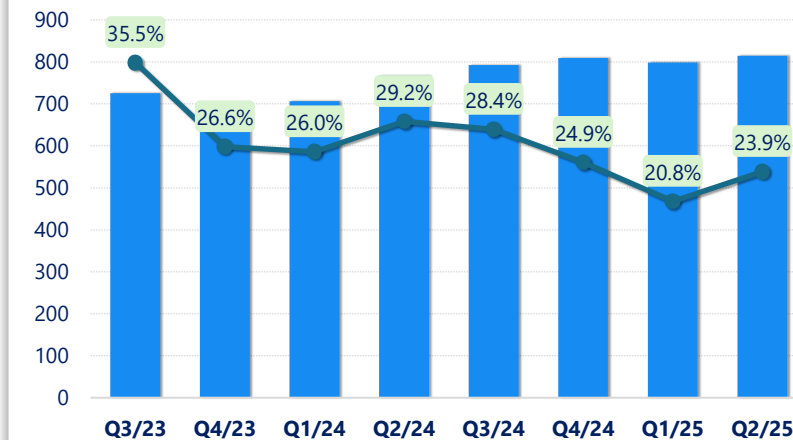


Phải thu ngắn hạn Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

tỷ VNĐ

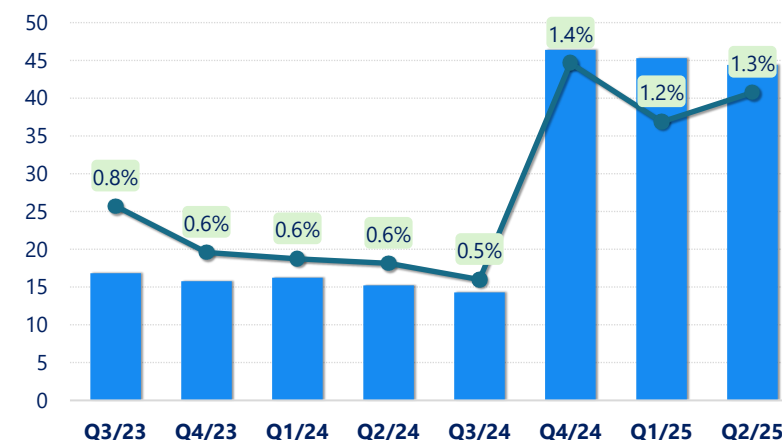


Hàng tồn kho Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

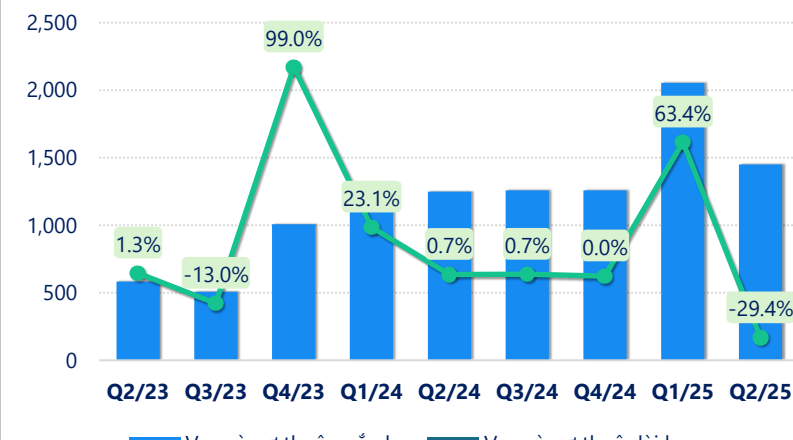


Tài sản cố định Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



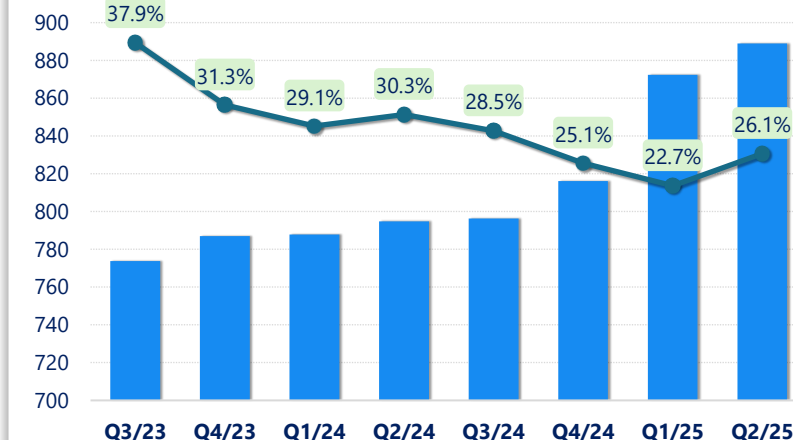
Vay và nợ thuê ngắn hạn Vay và nợ thuê dài hạn

Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

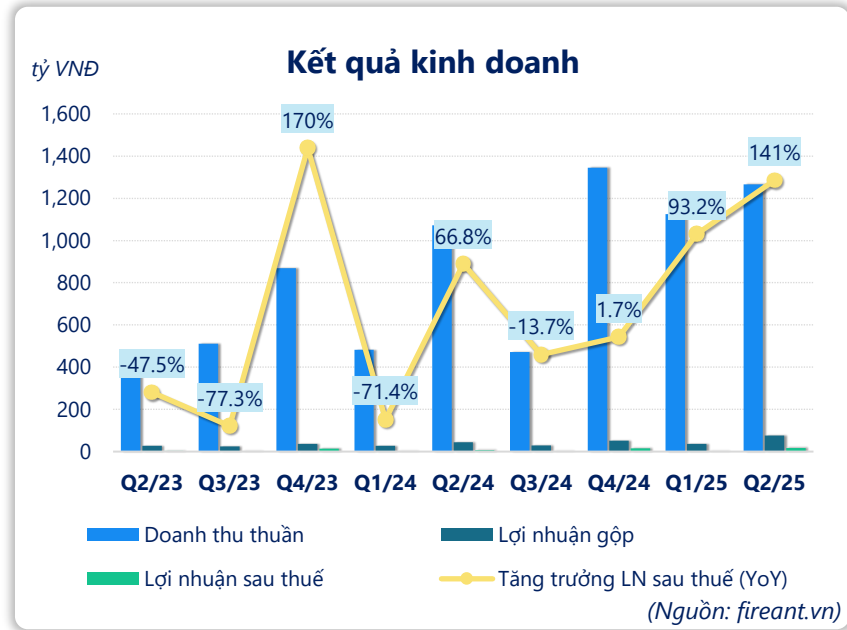
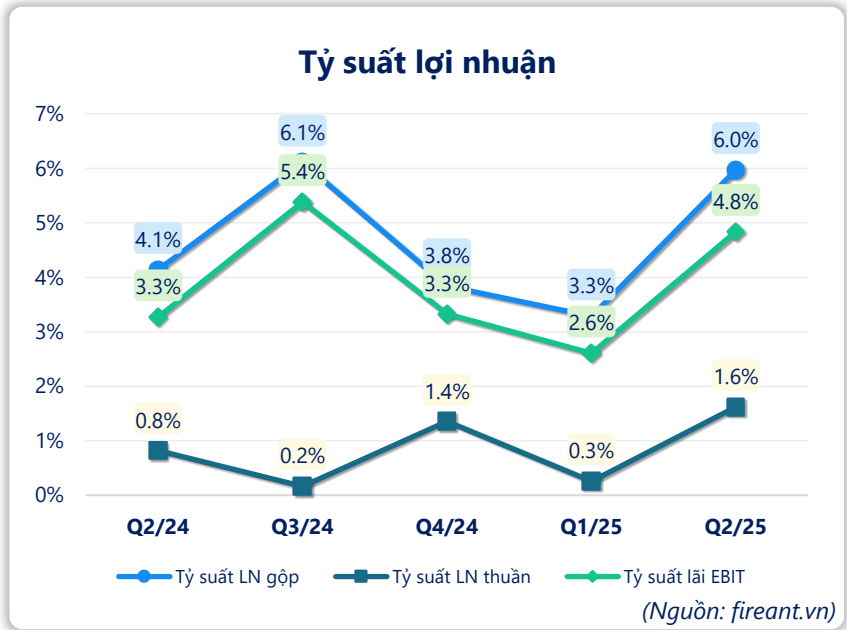
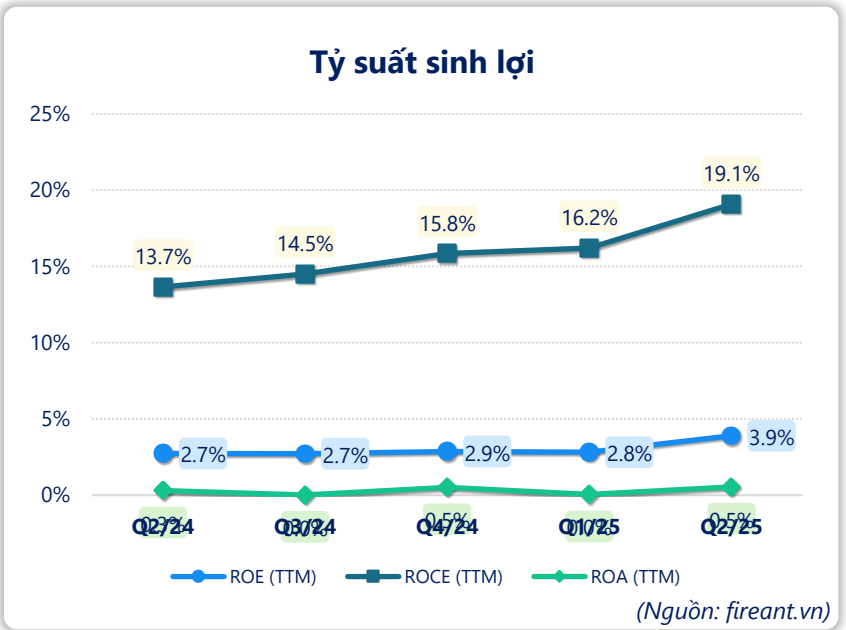
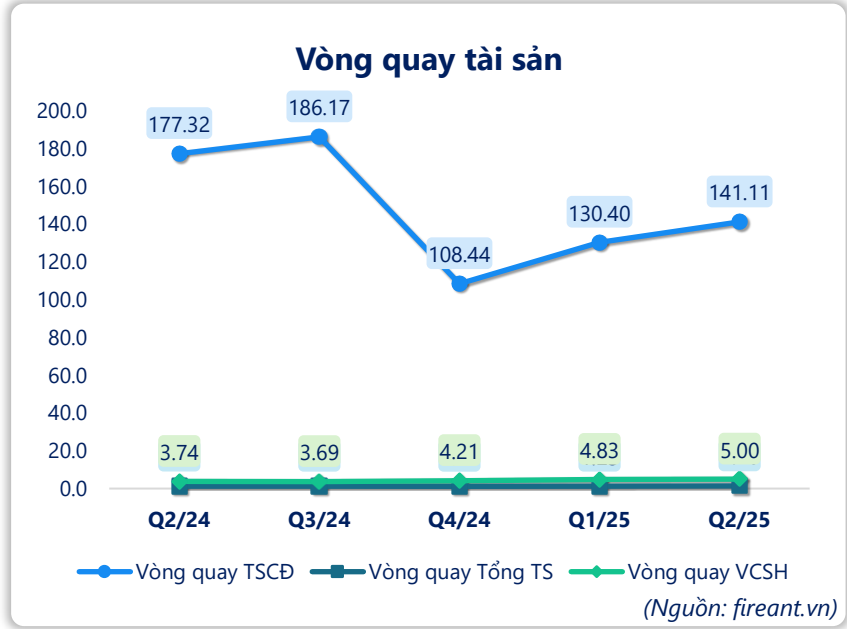
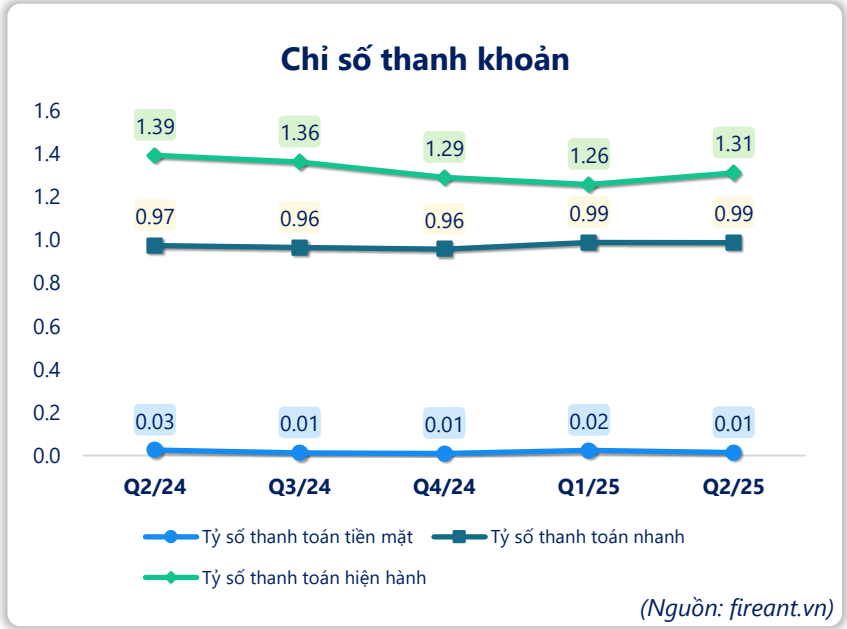
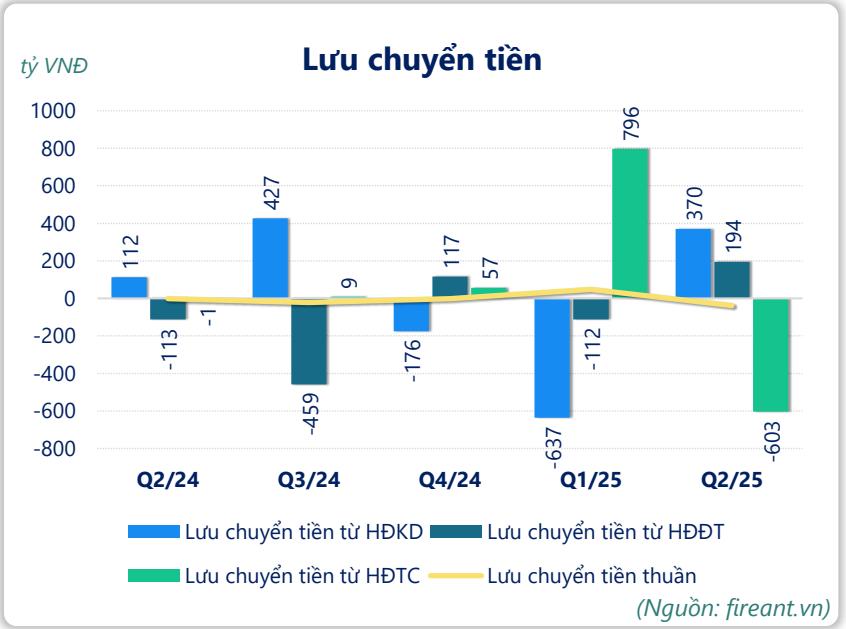
Vốn chủ sở hữu

tỷ VNĐ



Vốn chủ sở hữu Tỷ trọng với TTS

(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,401	3,175	7.1%
Tài sản ngắn hạn	3,294	3,065	7.5%
Tiền và tương đương tiền	32.6	22.9	42.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	261	301	-13.3%
Phải thu ngắn hạn	2,181	1,922	13.5%
Hàng tồn kho	814	806	1.0%
Tài sản ngắn hạn khác	5.97	13.5	-55.7%
Tài sản dài hạn	107	110	-2.2%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	44.4	46.4	-4.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	62.8	63.2	-0.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,512	2,304	9.1%
Nợ ngắn hạn	2,512	2,303	9.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,451	1,258	15.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	630	845	-25.5%
Nợ dài hạn	0.41	0.41	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	889	871	2.1%
Vốn chủ sở hữu	889	871	2.1%
Vốn điều lệ	652	652	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	1,073	471	1,345	1,124	1,266
Giá vốn hàng bán	1,028	442	1,293	1,088	1,191
Lợi nhuận gộp	44.4	28.8	51.6	36.9	75.6
Doanh thu HĐTC	2.25	4.73	3.79	1.53	-0.40
Chi phí TC	30.2	24.8	29.2	27.2	42.1
Chi phí lãi vay	26.2	24.8	26.6	27.2	40.2
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	7.65	7.95	8.02	8.37	12.6
LN thuần từ HĐKD	8.81	0.76	18.2	2.89	20.5
Lợi nhuận khác	0.02	-0.19	-0.01	-0.80	0.54
LN trước thuế	8.84	0.57	18.2	2.09	21.1
Lợi nhuận sau thuế	6.97	0.39	14.7	1.47	16.6
LNST của CĐ cty mẹ	6.97	0.39	14.7	1.38	16.4

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	112	427	-176	-637	370
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-113	-459	117	-112	194
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.21	9.25	56.7	796	-603
Tiền đầu kỳ	48.1	46.3	24.3	22.9	70.9
Lưu chuyển tiền thuần	-1.83	-22.1	-1.99	48.0	-38.3
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	46.3	24.3	22.3	70.9	32.6

(Nguồn: fireant.vn)